

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025 – **LẦN 2**

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nguyên lý kế toán			
Mã học phần:	71ACCT20022		Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71ACCT20022_01, 02,03,04,05,06			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận			Thời gian làm bài:	60 phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:		☒ Sinh viên được sử dụng tài liệu giấy	☐ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4, 5, 6,7, 8	3	PI2.1
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	40%	Câu 8, 9,10,11,12,13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20	4	PI2.1
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm) bao gồm 20 câu, mỗi câu 0.35 điểm

Câu 1 – CLO1 [LẦN 2] (random 1 trong 3 câu)

Câu 1a-Clo1[Lần 2]

Nhà đầu tư có thể sử dụng thông tin trên báo cáo kế toán nào của doanh nghiệp?

- A. Bảng cân đối kế toán
- B. Kế hoạch dự trữ hàng tồn kho
- C. Kế hoạch đầu tư cổ phiếu trong năm tới
- D. Kế hoạch chi thưởng cho người lao động

ANSWER: A

Câu 1b-Clo1[Lần 2]

Nhà đầu tư có thể sử dụng thông tin trên báo cáo kế toán nào của doanh nghiệp?

- A. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- B. Kế hoạch dự trữ hàng tồn kho
- C. Kế hoạch đầu tư cổ phiếu trong năm tới
- D. Kế hoạch chi thưởng cho người lao động

ANSWER: A

Câu 1c-Clo1[Lần 2]

Nhà đầu tư có thể sử dụng thông tin trên báo cáo kế toán nào của doanh nghiệp?

- A. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- B. Kế hoạch dự trữ hàng tồn kho
- C. Kế hoạch đầu tư cổ phiếu trong năm tới
- D. Kế hoạch chi thưởng cho người lao động

ANSWER: A

Câu 2– CLO1[LẦN 2] (random 1 trong 3 câu)

Câu 2a-Clo1[Lần 2]

Nghiệp vụ nào sau đây làm cả hai bên phương trình kế toán đều giảm?

- A. Chuyển khoản thanh toán cho hóa đơn dịch vụ tháng này
- B. Chuyển khoản mua hàng hóa nhập kho
- C. Mua hàng hóa nhập kho nhưng chưa thanh toán

D. Khách hàng thanh toán tiền mua hàng còn nợ bằng chuyển khoản

ANSWER: A

Câu 2b-Clo1/Lần 2/

Nghiệp vụ nào sau đây làm cả hai bên phương trình kế toán đều tăng?

A. Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu tiền

B. Chuyển khoản mua hàng hóa nhập kho

C. Chuyển khoản thanh toán cho một hóa đơn dịch vụ của tháng này

D. Khách hàng thanh toán tiền mua hàng còn nợ bằng chuyển khoản

ANSWER: A

Câu 2c-Clo1/Lần 2/

Nghiệp vụ nào sau không làm biến động số dư tổng tài sản và tổng nguồn vốn trong doanh nghiệp?

A. Khách hàng thanh toán tiền mua hàng còn nợ bằng chuyển khoản

B. Mua hàng hóa nhập kho nhưng chưa thanh toán

C. Chuyển khoản thanh toán cho một hóa đơn dịch vụ của tháng này

D. Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu tiền

ANSWER: A

Câu 3-CLO 1[LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 3a-Clo1/Lần 2/

Trong năm N, công ty H có tổng nợ phải trả tăng 450.000.000 đồng và tổng tài sản giảm 1.000.000.000 đồng, vậy tổng vốn chủ sở hữu sẽ biến động như thế nào?

A. Giảm 1.450.000.000 đồng

B. Giảm 1.000.000.000 đồng

C. Giảm 550.000.000 đồng

D. Tăng 550.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3b-Clo1/Lần 2/

Trong năm N, công ty P có tổng tài sản tăng lên 2.000.000 đồng và tổng nợ phải trả giảm 450.000.000 đồng, vậy tổng vốn chủ sở hữu sẽ biến động như thế nào?

A. Tăng 2.450.000.000 đồng

B. Tăng 1.550.000.000 đồng

C. Giảm 1.550.000.000 đồng

D. Giảm 2.450.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3c-Clo1[Lần 2]

Trong năm N, công ty Q có tổng tài sản giảm 550.000.000 đồng và tổng nợ phải trả tăng 300.000.000 đồng, vậy tổng vốn chủ sở hữu sẽ biến động như thế nào?

A. Giảm 850.000.000 đồng

B. Tăng 850.000.000 đồng

C. Giảm 250.000.000 đồng

D. Tăng 250.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4 – CLO 1 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 4a-Clo1[Lần 2]

Nhận được chuyển khoản do khách hàng thanh toán hết tiền hàng còn nợ tháng trước sẽ làm cho:

A. Tiền gửi ngân hàng tăng, Phải thu khách hàng giảm

B. Tiền gửi ngân hàng tăng, Doanh thu bán hàng tăng

C. Tiền gửi ngân hàng giảm, Phải trả người bán giảm

D. Tiền gửi ngân hàng tăng, Hàng hóa giảm

ANSWER: A

Câu 4b-Clo1[Lần 2]

Chuyển khoản thanh toán hết tiền hàng còn nợ từ tháng trước cho người bán sẽ làm cho:

A. Tiền gửi ngân hàng giảm, Phải trả người bán giảm

B. Tiền gửi ngân hàng tăng, Doanh thu bán hàng tăng

C. Tiền gửi ngân hàng tăng, Phải thu khách hàng giảm

D. Tiền gửi ngân hàng giảm, Hàng hóa tăng

ANSWER: A

Câu 4c-Clo1[Lần 2]

Chuyển khoản thanh toán ngay tiền thuê văn phòng tháng này sẽ làm cho:

A. Tiền gửi ngân hàng giảm, Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng

B. Tiền gửi ngân hàng giảm, Phải trả người bán giảm

- C. Tiền gửi ngân hàng giảm, Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm
- D. Tiền gửi ngân hàng giảm, Phải trả người bán tăng

ANSWER: A

Câu 5 – CLO 1 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 5a-Clo1[Lần 2]

Ngày 1/5/N, công ty M nhận được một máy chiếu trị giá 25.000.000 đồng do đối tác gửi tặng và công ty đã tạm nhập kho thiết bị này. Vậy số tiền 25.000.000 đồng trên được ghi nhận vào khoản mục nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng 5/N của công ty M?

- A. Thu nhập khác
- B. Công cụ dụng cụ
- C. Doanh thu hoạt động tài chính
- D. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ANSWER: A

Câu 5b-Clo1[Lần 2]

Ngày 10/12/N, công ty M nhận cổ tức năm N do đầu tư cổ phiếu vào công ty cổ phần Thịnh Phát là 25.000.000 đồng bằng chuyển khoản. Vậy số tiền 25.000.000 đồng trên được ghi nhận vào khoản mục nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N của công ty M?

- A. Doanh thu hoạt động tài chính
- B. Thu nhập khác
- C. Tiền gửi ngân hàng
- D. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ANSWER: A

Câu 5c-Clo1[Lần 2]

Ngày 10/12/N, công ty M chuyển khoản 25.000.000 đồng thanh toán chi phí tân trang lại xe tải giao hàng cũ trước khi đi thanh lý. Vậy số tiền 25.000.000 đồng trên được ghi nhận vào khoản mục nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm N của công ty M?

- A. Chi phí khác
- B. Thu nhập khác
- C. Tiền gửi ngân hàng
- D. Chi phí bán hàng

ANSWER: A

Câu 6 – CLO 1 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 6a-Clo1[Lần 2]

Thông tin nào dưới đây không được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán cuối kỳ của một doanh nghiệp?

- A. Lợi nhuận trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp
- B. Tình hình tài sản hiện có của doanh nghiệp
- C. Các khoản nợ phải trả hiện có của doanh nghiệp
- D. Giá trị vốn góp từ các chủ sở hữu doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 6b-Clo1[Lần 2]

Thông tin nào dưới đây không được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp?

- A. Số tiền thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ
- B. Các khoản doanh thu, thu nhập trong kỳ
- C. Các khoản chi phí kinh doanh trong kỳ
- D. Các khoản giảm trừ cho khách hàng trong quá trình bán hàng

ANSWER: A

Câu 6c-Clo1[Lần 2]

Thông tin nào dưới đây không được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp?

- A. Số tiền chi ra cho hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong kỳ
- B. Các khoản doanh thu, thu nhập trong kỳ
- C. Các khoản chi phí kinh doanh trong kỳ
- D. Các khoản giảm trừ cho khách hàng trong quá trình bán hàng

ANSWER: A

Câu 7 – CLO1 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 7a-Clo1[Lần 2]

Khấu hao tài sản cố định sử dụng tại phòng Nhân sự trong kỳ được ghi vào chỉ tiêu nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- B. Chi phí bán hàng
- C. Hao mòn tài sản cố định
- D. Chi phí khác

ANSWER: A

Câu 7b-Clo1[Lần 2]

Tiền lương của nhân viên bán hàng được ghi vào chỉ tiêu nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí bán hàng
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Phải trả người lao động
- D. Chi phí khác

ANSWER: A

Câu 7c-Clo1[Lần 2]

Tổng giá trị xuất kho của hàng hóa bán trong kỳ được ghi vào chỉ tiêu nào trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Giá vốn hàng bán
- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí bán hàng
- D. Chi phí khác

ANSWER: A

Câu 8 – CLO1 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 8a-Clo1&2[Lần 2]

“Mua một tài sản cố định dùng tại cửa hàng trị giá 200.000.000 đồng đã thanh toán 60.000.000 đồng bằng chuyển khoản, số còn lại sẽ thanh toán sau” làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 331 140.000.000
- B. Bên Nợ TK 641 200.000.000
- C. Bên Nợ TK 211 140.000.000
- D. Bên Có TK 112 140.000.000

ANSWER: A

Câu 8b-Clo1&2[Lần 2]

“Mua một tài sản cố định dùng tại cửa hàng trị giá 200.000.000 đồng đã thanh toán 60.000.000 đồng bằng chuyển khoản, số còn lại sẽ thanh toán sau” làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 211 200.000.000
- B. Bên Nợ TK 641 200.000.000
- C. Bên Nợ TK 331 140.000.000

D. Bên Có TK 331 60.000.000

ANSWER: A

Câu 8c-Clo1&2[Lần 2]

“Mua một tài sản cố định dùng tại cửa hàng trị giá 200.000.000 đồng đã thanh toán 60.000.000 đồng bằng chuyển khoản, số còn lại sẽ thanh toán sau” làm phát sinh:

A. Bên Có TK 112 60.000.000

B. Bên Nợ TK 641 200.000.000

C. Bên Nợ TK 331 140.000.000

D. Bên Có TK 331 60.000.000

ANSWER: A

Câu 9 – CLO 2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 9a-Clo2[Lần 2]

Thông tin liên quan đến TK 131 – “Phải thu khách hàng” tại công ty X như sau: số dư đầu kỳ bên Nợ là 300.000.000 đồng, trong kỳ tổng phát sinh bên Nợ là 250.000.000 đồng và tổng phát sinh bên Có là 400.000.000 đồng. Vậy số dư cuối kỳ của TK 131 bằng bao nhiêu?

A. Số dư bên Nợ là 150.000.000 đồng

B. Số dư bên Có là 150.000.000 đồng

C. Số dư bên Nợ là 450.000.000 đồng

D. Số dư bên Có là 450.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9b-Clo2[Lần 2]

Thông tin liên quan đến TK 331 – “Phải trả người bán” tại công ty X như sau: số dư đầu kỳ bên Có là 300.000.000 đồng, trong kỳ tổng phát sinh bên Nợ là 250.000.000 đồng và tổng phát sinh bên Có là 400.000.000 đồng. Vậy số dư cuối kỳ của TK 331 bằng bao nhiêu?

A. Số dư bên Có là 450.000.000 đồng

B. Số dư bên Có là 150.000.000 đồng

C. Số dư bên Nợ là 450.000.000 đồng

D. Số dư bên Nợ là 150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9c-Clo2[Lần 2]

Thông tin liên quan đến TK 156 – “Hàng hóa” tại công ty X như sau: số dư đầu kỳ bên Nợ là 250.000.000 đồng, trong kỳ tổng phát sinh bên Nợ là 400.000.000 đồng và tổng phát sinh bên Có là 300.000.000 đồng. Vậy số dư cuối kỳ của TK 156 bằng bao nhiêu?

- A. Số dư bên Nợ là 350.000.000 đồng
- B. Số dư bên Có là 350.000.000 đồng
- C. Số dư bên Nợ là 150.000.000 đồng
- D. Số dư bên Có là 150.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10-CLO 2 [LẦN 2] (random 1 trong 3 câu)

Câu 10a-Clo2/Lần 2]

Thông tin liên quan đến TK 111 – “Tiền mặt” tại công ty X như sau: số dư đầu kỳ bên Nợ là 110.000.000 đồng, trong kỳ tổng phát sinh tăng là 130.000.000 đồng và số dư cuối kỳ bên Nợ là 125.000.000 đồng. Vậy tổng phát sinh bên giảm của TK 111 trong kỳ bằng bao nhiêu và được ghi bên Nợ hay bên Có?

- A. Bên Có và bằng 115.000.000 đồng
- B. Bên Có và bằng 105.000.000 đồng
- C. Bên Nợ và bằng 105.000.000 đồng
- D. Bên Nợ và bằng 115.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10b-Clo2/Lần 2]

Thông tin liên quan đến TK 112 – “Tiền gửi ngân hàng” tại công ty X như sau: số dư đầu kỳ bên Nợ là 110.000.000 đồng, trong kỳ tổng phát sinh giảm là 130.000.000 đồng và số dư cuối kỳ bên Nợ là 125.000.000 đồng. Vậy tổng phát sinh bên tăng của TK 112 trong kỳ bằng bao nhiêu và được ghi bên Nợ hay bên Có?

- A. Bên Nợ và bằng 145.000.000 đồng
- B. Bên Nợ và bằng 115.000.000 đồng
- C. Bên Có và bằng 145.000.000 đồng
- D. Bên Có và bằng 115.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10c-Clo2/Lần 2]

Thông tin liên quan đến TK 152 – “Nguyên vật liệu” tại công ty X như sau: số dư đầu kỳ bên Nợ là 125.000.000 đồng, trong kỳ tổng phát sinh giảm là 130.000.000 đồng và số dư cuối kỳ bên Nợ là 110.000.000 đồng. Vậy tổng phát sinh bên tăng của TK 152 trong kỳ bằng bao nhiêu và được ghi bên Nợ hay bên Có?

- A. Bên Nợ và bằng 115.000.000 đồng
- B. Bên Nợ và bằng 145.000.000 đồng
- C. Bên Có và bằng 115.000.000 đồng
- D. Bên Có và bằng 145.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11-CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 11a-Clo2[Lần 2]

Các tài khoản kế toán dưới đây đều có thể có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ, ngoại trừ:

- A. TK Chi phí khác
- B. TK Doanh thu chưa thực hiện
- C. TK Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- D. TK Hao mòn tài sản cố định

ANSWER: A

Câu 11b-Clo2[Lần 2]

Các tài khoản kế toán dưới đây đều có thể có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ, ngoại trừ:

- A. TK Thu nhập khác
- B. TK Chi phí trả trước
- C. TK Quỹ khen thưởng phúc lợi
- D. TK Phải trả người bán

ANSWER: A

Câu 11c-Clo2[Lần 2]

Các tài khoản kế toán dưới đây đều có thể có số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ, ngoại trừ:

- A. TK Giá vốn hàng bán
- B. TK Quỹ đầu tư phát triển
- C. TK Vay và nợ thuê tài chính
- D. TK Phải trả người lao động

ANSWER: A

Câu 12 – CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 12a-Clo2[Lần 2]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây sẽ được ghi nhận vào bên Có TK 131?

- A. Khách hàng thanh toán tiền còn nợ cho doanh nghiệp
- B. Hoàn thành dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu tiền
- C. Bán hàng cho khách hàng và khách hàng hẹn thanh toán sau
- D. Nhận được hóa đơn dịch vụ nhưng chưa thanh toán

ANSWER: A

Câu 12b-Clo2[Lần 2]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây sẽ được ghi nhận vào bên Có TK 331?

- A. Nhận được hóa đơn dịch vụ nhưng chưa thanh toán
- B. Hoàn thành dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu tiền
- C. Bán hàng cho khách hàng và khách hàng hẹn thanh toán sau
- D. Thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng chuyển khoản

ANSWER: A

Câu 12c-Clo2[Lần 2]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây sẽ được ghi nhận vào bên Nợ TK 331?

- A. Thanh toán nợ phải trả cho người bán bằng chuyển khoản
- B. Hoàn thành dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu tiền
- C. Bán hàng cho khách hàng và khách hàng hẹn thanh toán sau
- D. Nhận được hóa đơn dịch vụ nhưng chưa thanh toán

ANSWER: A

Câu 13 – CLO 2[LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 13a-Clo2[Lần 2]

Ngày 01/11/N, công ty S chuyển khoản mua một máy in trị giá 12.000.000 đồng sử dụng ngay tại phòng kế toán, biết tài sản này được phân bổ giá trị trong 12 tháng bắt đầu từ tháng này. Bút toán điều chỉnh được thực hiện vào cuối kỳ kế toán năm tại ngày 31/12/N như sau:

- | | |
|--------------|-----------|
| A. Nợ TK 642 | 2.000.000 |
| Có TK 242 | 2.000.000 |

- B. Nợ TK 642 1.000.000**
 Có TK 242 1.000.000
- C. Nợ TK 642 12.000.000**
 Có TK 112 12.000.000
- D. Nợ TK 242 12.000.000**
 Có TK 112 12.000.000

ANSWER: A

Câu 13b-Clo2/Lần 2/

Ngày 01/10/N, công ty S chuyển khoản mua một máy in trị giá 12.000.000 đồng sử dụng ngay tại phòng kế toán, biết tài sản này được phân bổ giá trị trong 12 tháng bắt đầu từ tháng này. Bút toán điều chỉnh được thực hiện vào cuối kỳ kế toán năm tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 642 3.000.000**
 Có TK 242 3.000.000
- B. Nợ TK 642 1.000.000**
 Có TK 242 1.000.000
- C. Nợ TK 642 12.000.000**
 Có TK 112 12.000.000
- D. Nợ TK 242 12.000.000**
 Có TK 112 12.000.000

ANSWER: A

Câu 13c-Clo2/Lần 2/

Ngày 01/10/N, công ty S chuyển khoản mua một máy in trị giá 12.000.000 đồng sử dụng ngay tại phòng kế toán, biết tài sản này được phân bổ giá trị trong 12 tháng bắt đầu từ tháng này. Bút toán điều chỉnh được thực hiện vào cuối kỳ kế toán tháng tại ngày 31/12/N như sau:

- A. Nợ TK 642 1.000.000**
 Có TK 242 1.000.000
- B. Nợ TK 642 3.000.000**
 Có TK 242 3.000.000
- C. Nợ TK 642 12.000.000**
 Có TK 112 12.000.000
- D. Nợ TK 242 12.000.000**
 Có TK 112 12.000.000

ANSWER: A

Câu 14 – CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 14a-Clo2/Lần 2]

Nội dung bút toán điều chỉnh nào dưới đây phù hợp với định khoản “Nợ TK 641/Có TK 331”?

- A. Ghi nhận chi phí thuê cửa hàng kỳ này nhưng tiền thanh toán sau
- B. Ghi nhận chi phí thuê cửa hàng kỳ này nhưng tiền đã thanh toán trước đó
- C. Ghi nhận doanh thu dịch vụ đã hoàn thành nhưng chưa thu tiền
- D. Ghi nhận doanh thu dịch vụ đã hoàn thành nhưng tiền đã thu trước đó

ANSWER: A

Câu 14b-Clo2/Lần 2]

Nội dung bút toán điều chỉnh nào dưới đây phù hợp với định khoản “Nợ TK 131/Có TK 511”?

- A. Ghi nhận doanh thu dịch vụ đã hoàn thành nhưng chưa thu tiền
- B. Ghi nhận chi phí thuê cửa hàng kỳ này nhưng tiền đã thanh toán trước đó
- C. Ghi nhận chi phí thuê cửa hàng kỳ này nhưng tiền thanh toán sau
- D. Ghi nhận doanh thu dịch vụ đã hoàn thành nhưng tiền đã thu trước đó

ANSWER: A

Câu 14c-Clo2/Lần 2]

Nội dung bút toán điều chỉnh nào dưới đây phù hợp với định khoản “Nợ TK 641/Có TK 242”?

- A. Ghi nhận chi phí thuê cửa hàng kỳ này nhưng tiền đã thanh toán trước đó
- B. Ghi nhận doanh thu dịch vụ đã hoàn thành nhưng chưa thu tiền
- C. Ghi nhận chi phí thuê cửa hàng kỳ này nhưng tiền thanh toán sau
- D. Ghi nhận doanh thu dịch vụ đã hoàn thành nhưng tiền đã thu trước đó

ANSWER: A

Câu 15 – CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 15a-Clo2/Lần 2]

Khi khóa sổ tài khoản tạm thời, kế toán sẽ ghi “Có TK 911” đối ứng với bên Nợ của các tài khoản dưới đây, ngoại trừ:

- A. TK 521
- B. TK 811
- C. TK 632
- D. TK 635

ANSWER: A

Câu 15b-Clo2/Lần 2]

Khi khóa sổ tài khoản tạm thời, kế toán sẽ ghi “Có TK 911” đối ứng với bên Nợ của các tài khoản dưới đây, ngoại trừ:

- A. TK 811**
- B. TK 511**
- C. TK 515**
- D. TK 711**

ANSWER: A

Câu 15c-Clo2/Lần 2/

Khi khóa sổ tài khoản tạm thời, kế toán sẽ ghi “Có TK 911” đối ứng với bên Nợ của các tài khoản dưới đây, ngoại trừ:

- A. TK 632**
- B. TK 511**
- C. TK 515**
- D. TK 711**

ANSWER: A

Câu 16 – CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 16a-Clo2/Lần 2/

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 1.500.000.000 đồng**
- + Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng**
- + Thanh lý tài sản cố định thu được: 75.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911 1.525.000.000**
- B. Bên Có TK 911 1.625.000.000**
- C. Bên Nợ TK 911 1.525.000.000**
- D. Bên Nợ TK 911 1.625.000.000**

ANSWER: A

Câu 16b-Clo2/Lần 2/

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 1.500.000.000 đồng**
- + Giảm giá hàng bán: 75.000.000 đồng**
- + Thanh lý tài sản cố định thu được: 50.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911 1.475.000.000
- B. Bên Có TK 911 1.625.000.000
- C. Bên Nợ TK 911 1.475.000.000
- D. Bên Nợ TK 911 1.625.000.000

ANSWER: A

Câu 16c-Clo2[Lần 2]

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 1.500.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng**
- + **Thanh lý tài sản cố định thu được: 50.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911 1.500.000.000
- B. Bên Có TK 911 1.600.000.000
- C. Bên Nợ TK 911 1.500.000.000
- D. Bên Nợ TK 911 1.600.000.000

ANSWER: A

Câu 17 – CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 17a-Clo2[Lần 2]

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + **Tổng giá vốn hàng bán: 1.500.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán: 75.000.000 đồng**
- + **Chi phí bán hàng: 50.000.000 đồng**
- + **Chi phí quản lý doanh nghiệp: 100.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí kinh doanh sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911 1.650.000.000
- B. Bên Nợ TK 911 1.575.000.000
- C. Bên Có TK 911 1.650.000.000
- D. Bên Có TK 911 1.575.000.000

ANSWER: A

Câu 17b-Clo2[Lần 2]

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng giá vốn hàng bán: 1.500.000.000 đồng**
- + Giảm giá hàng bán: 50.000.000 đồng**
- + Chi phí bán hàng: 75.000.000 đồng**
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 50.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí kinh doanh sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911 1.625.000.000**
- B. Bên Nợ TK 911 1.575.000.000**
- C. Bên Có TK 911 1.625.000.000**
- D. Bên Có TK 911 1.575.000.000**

ANSWER: A

Câu 17c-Clo2[Lần 2]

Một số thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh công ty A trong năm N như sau:

- + Tổng giá vốn hàng bán: 1.500.000.000 đồng**
- + Giảm giá hàng bán: 100.000.000 đồng**
- + Chi phí bán hàng: 50.000.000 đồng**
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp: 75.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí kinh doanh sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911 1.625.000.000**
- B. Bên Nợ TK 911 1.575.000.000**
- C. Bên Có TK 911 1.625.000.000**
- D. Bên Có TK 911 1.575.000.000**

ANSWER: A

Câu 18 – CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 18a-Clo2[Lần 2]

Trường hợp nào sau đây không xuất hiện trong các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời vào cuối kỳ kế toán?

- A. Ghi Nợ vào TK 521**
- B. Ghi Nợ vào TK 421**

C. Ghi Nợ vào TK 711

D. Ghi Nợ vào TK 911

ANSWER: A

Câu 18b-Clo2[Lần 2]

Trường hợp nào sau đây không xuất hiện trong các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời vào cuối kỳ kế toán?

A. Ghi Có vào TK 711

B. Ghi Có vào TK 421

C. Ghi Có vào TK 811

D. Ghi Có vào TK 911

ANSWER: A

Câu 18c-Clo2[Lần 2]

Trường hợp nào sau đây không xuất hiện trong các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời vào cuối kỳ kế toán?

A. Ghi Có vào TK 515

B. Ghi Có vào TK 421

C. Ghi Nợ vào TK 421

D. Ghi Nợ vào TK 911

ANSWER: A

Câu 19– CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 19a-Clo2[Lần 2]

Nhận được chuyển khoản với nội dung khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng kinh tế sẽ được kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 112 / Có TK 711

B. Nợ TK 112 / Có TK 131

C. Nợ TK 112 / Có TK 515

D. Nợ TK 112 / Có TK 511

ANSWER: A

Câu 19b-Clo2[Lần 2]

Nhận được chuyển khoản với nội dung công ty X chia cổ tức tháng này sẽ được kế toán

ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 112 / Có TK 515

B. Nợ TK 112 / Có TK 131

C. Nợ TK 112 / Có TK 711

D. Nợ TK 112 / Có TK 511

ANSWER: A

Câu 19c-Clo2[Lần 2]

Nhận được chuyển khoản với nội dung công ty X thanh toán tiền hàng còn nợ sẽ được kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 112 / Có TK 131

B. Nợ TK 112 / Có TK 515

C. Nợ TK 112 / Có TK 711

D. Nợ TK 112 / Có TK 511

ANSWER: A

Câu 20– CLO2 [LẦN 2]: (random 1 trong 3 câu)

Câu 20a-Clo2[Lần 2]

Chọn phát biểu Đúng trong các phát biểu sau đây:

A. Tổng số dư cuối kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán phải luôn bằng tổng dư cuối kỳ bên Có của tất cả tài khoản kế toán

B. Trong một số trường hợp ngoại lệ, kế toán có thể chấp nhận số tiền ghi Nợ và số tiền ghi Có trong cùng một định khoản kế toán không bằng nhau

C. Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trong kỳ của bất kỳ một tài khoản kế toán phải luôn luôn bằng nhau

D. Tổng số dư đầu kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán phải luôn bằng tổng số dư cuối kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán

ANSWER: A

Câu 20b-Clo2[Lần 2]

Chọn phát biểu Đúng trong các phát biểu sau đây:

A. Số tiền ghi Nợ và số tiền ghi Có trong cùng một định khoản kế toán bắt buộc phải bằng nhau và không có trường hợp ngoại lệ

B. Tổng số dư cuối kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán không bắt buộc phải bằng tổng dư cuối kỳ bên Có của tất cả tài khoản kế toán

C. Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trong kỳ của bất kỳ một tài khoản kế toán

phải luôn luôn bằng nhau

D. Tổng số dư đầu kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán phải luôn bằng tổng số dư cuối kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán

ANSWER: A

Câu 20c-Clo2[Lần 2]

Chọn phát biểu Đúng trong các phát biểu sau đây:

A. Tổng số dư đầu kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán phải luôn bằng tổng số dư đầu kỳ bên Có của tất cả tài khoản kế toán

B. Trong một số trường hợp ngoại lệ, kế toán có thể chấp nhận số tiền ghi Nợ và số tiền ghi Có trong cùng một định khoản kế toán không bằng nhau

C. Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trong kỳ của bất kỳ một tài khoản kế toán phải luôn luôn bằng nhau

D. Tổng số dư cuối kỳ bên Nợ của tất cả tài khoản kế toán không bắt buộc phải bằng tổng dư cuối kỳ bên Có của tất cả tài khoản kế toán

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm)

Câu TL-CLO2&3 - [lần 2] Random 1 trong 2 câu

Công ty TNHH Thiên Thanh chuyên mua bán tủ lạnh hiệu Sanyo. Công ty áp dụng kỳ kế toán tháng, quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

Số dư của một loại hàng hóa tại công ty vào đầu tháng 12/N như sau: 30 cái tủ lạnh Sanyo với đơn giá gốc 10.000.000 đồng/cái.

Trong tháng 12/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty như sau:

(1) Ngày 5, xuất bán 20 tủ lạnh Sanyo có trong kho đầu kỳ cho khách hàng A với giá bán 18.000.000 đồng/cái, thu ngay bằng chuyển khoản;

(2) Ngày 30, nhận được hóa đơn dịch vụ tháng 12/N phát sinh tại cửa hàng là 5.000.000 đồng và tại văn phòng quản lý là 3.000.000 đồng, công ty đã chi tiền mặt thanh toán ngay

(3) Ngày 31, kế toán tính toán và ghi nhận lương phải trả tháng 12/N cho nhân viên bán hàng là 20.000.000 đồng và cho bộ phận văn phòng là 15.000.000 đồng.

Yêu cầu:

(1) Định khoản (ghi nhật ký) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên (2 điểm)

(2) Dựa vào thông tin phát sinh trong kỳ kế toán tháng 12/N tại công ty, hãy hoàn thành một số chỉ tiêu còn thiếu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Thiên Thanh (*chỉ tiêu số 5, 9, 10, 11, 15*). (1 điểm).

KỶ: THÁNG 12 NĂM N	
Đơn vị tính: VNĐ	
Chỉ tiêu	Số tiền
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	360.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3. <i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	360.000.000
4. Giá vốn hàng bán	200.000.000
5. Lợi nhuận gộp	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	-
7. Chi phí tài chính	-
8. <i>Lợi nhuận tài chính</i>	-
9. Chi phí bán hàng	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
11. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	
12. Thu nhập khác	-
13. Chi phí khác	-
14. <i>Lợi nhuận khác</i>	-
15. <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	

Câu TL2-CLO2&3 – [lần 2]

Công ty TNHH Thiên Thanh chuyên mua bán tủ lạnh hiệu Sanyo. Công ty áp dụng kỳ kế toán tháng, quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

Số dư của một loại hàng hóa tại công ty vào đầu tháng 12/N như sau: 30 cái tủ lạnh Sanyo với đơn giá gốc 10.000.000 đồng/cái.

Trong tháng 12/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty như sau:

- (1) Ngày 5**, xuất bán 10 tủ lạnh Sanyo có trong kho đầu kỳ cho khách hàng A với giá bán 18.000.000 đồng/cái, thu ngay bằng chuyển khoản;
- (2) Ngày 30**, nhận được hóa đơn dịch vụ tháng 12/N phát sinh tại cửa hàng là 3.000.000 đồng và tại văn phòng quản lý là 5.000.000 đồng, công ty đã chi tiền mặt thanh toán ngay
- (3) Ngày 31**, kế toán tính toán và ghi nhận lương phải trả tháng 12/N cho nhân viên bán hàng là 15.000.000 đồng và cho bộ phận văn phòng là 20.000.000 đồng.

Yêu cầu:

- (1) Định khoản (ghi nhật ký) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên (2 điểm)
- (2) Dựa vào thông tin phát sinh trong kỳ kế toán tháng 12/N tại công ty, hãy hoàn thành một số chỉ tiêu còn thiếu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty Thiên Thanh (*chỉ tiêu số 5, 9, 10, 11, 15*). (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.0	
Câu 1 đến câu 20	Đáp án A	0.35 điểm/câu	
II. Tự luận (Random 1 trong 2 câu)		3.0	
Câu TL1	(1) Nợ TK 632 200.000.000 Có TK 156 200.000.000 Nợ TK 112 360.000.000 Có TK 511 360.000.000 (2) Nợ TK 641 5.000.000 Nợ TK 642 3.000.000 Có TK 111 8.000.000 (3) Nợ TK 641 20.000.00 Nợ TK 642 15.000.000 Có TK 334 35.000.000 Chỉ tiêu: (5) 160.000.000; (9) 25.000.000; (10) 18.000.000; (11) 117.000.000; (15) 117.000.000	0.5 0.5 0.5 0.5 1.0	0.2 điểm/chỉ tiêu
Câu TL 2	(3) Nợ TK 632 100.000.000 Có TK 156 100.000.000 Nợ TK 112 180.000.000 Có TK 511 180.000.000 (4) Nợ TK 641 3.000.000 Nợ TK 642 5.000.000 Có TK 111 8.000.000 (3) Nợ TK 641 15.000.00 Nợ TK 642 20.000.000 Có TK 334 35.000.000 Chỉ tiêu: (5) 80.000.000; (9) 18.000.000; (10) 25.000.000; (11) 37.000.000; (15) 37.000.000	0.5 0.5 0.5 0.5 1.0	0.2 điểm/chỉ tiêu
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



TS. Mai Bình Dương

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng